

Số: ...8.2 /QĐ-SZB-HĐQT

Đồng Nai, ngày 26 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh Quy chế Công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNH

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình;
- Căn cứ đề nghị của Tổng Giám đốc tại tờ trình số 449/TTr-SZB-HĐQT ngày 02/12/2022 về việc điều chỉnh Quy chế Công bố thông tin;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 19/BB-HĐQT ngày 09/12/2022;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 11/QĐ-HĐQT-SZB ngày 25/03/2020.

Điều 3: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng/Ban và toàn thể cán bộ - nhân viên của Công ty có trách thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TV HĐQT, BKS
- Lưu: Tk. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lương Minh Hiền

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 82../QĐ-SZB-HĐQT ngày 26../12/2022)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình theo các quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính và Quy chế số 606/QĐ-SGDCKHN ngày 29/9/2016 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình;
- Nhà đầu tư thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- UBCKNN là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- SGDCK là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- Công ty hoặc SZB là Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.
- Quy chế là Quy chế công bố thông tin.
- Nhà đầu tư thuộc diện phải công bố thông tin bao gồm:
 - Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
- Người nội bộ của Công ty bao gồm:
 - Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị;
 - Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc;

- c. Kế toán trưởng;
- d. Trưởng Ban và thành viên Ban Kiểm soát;
- đ. Trưởng Ban và nhân viên Ban Kiểm toán nội bộ;
- e. Người phụ trách quản trị Công ty;
- g. Người được uỷ quyền công bố thông tin.

7. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

8. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này.

9. Ngày báo cáo là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

10. Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

- a. Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
- b. Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

c. Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d. Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

đ. Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua SGDCK.

11. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;

b. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

c. Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

d. Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ. Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e. Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua SGDCK.

12. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

13. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

14. Thông tư số 96 là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

15. Quy chế số 606 là Quy chế số 606/QĐ-SGDCKHN ngày 29/9/2016 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin của Công ty phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của Công ty.

2. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

3. Các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, tổ chức, cá nhân công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

4. Các tổ chức, cá nhân khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều này và các cá nhân công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

5. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 4 Quy chế này.

6. Bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo Quy chế này như sau:

a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên website của Công ty tối thiểu là 05 năm;

b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên website của Công ty tối thiểu là 05 năm;

c. Các thông tin đã công bố, báo cáo dưới dạng văn bản phải được lưu trữ bảo quản theo quy định lưu trữ hồ sơ của Công ty. Việc hủy thông tin trên website của Công ty không đồng nhất với việc hủy thông tin gốc;

7. Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin.

a. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của thông tin được công bố bởi Tổng Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Phó Tổng giám đốc được ủy quyền sẽ thực hiện công bố thông tin.

b. Trưởng phòng Kinh doanh của Công ty là người được ủy quyền công bố thông tin và là người phụ trách công bố thông tin theo yêu cầu tại Thông tư số 96. Việc ủy quyền công bố thông tin phải được lập thành văn bản theo mẫu của Thông tư số 96.

c. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin theo các quy định tại Điều 6 Thông tư số 96.

2. Nhà đầu tư là cá nhân thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Quy chế này có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc uỷ quyền cho 01 tổ chức hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a. Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDCK Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96 và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b. Trường hợp uỷ quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được uỷ quyền công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho người được uỷ quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

c. Nhà đầu tư cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được uỷ quyền công bố thông tin theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 96.

3. Nhà đầu tư là tổ chức thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư số 96.

4. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư số 96 và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 5. Hình thức và phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Hình thức báo cáo, công bố thông tin gồm văn bản và dữ liệu điện tử.
2. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
 - a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
 - b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN (IDS);
 - c. Hệ thống công bố thông tin của SGDCK (CIMS);
 - d. Các phương tiện thông tin đại chúng khác (báo in, báo điện tử, ...) theo quy định của pháp luật và cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có).
3. Công bố thông tin trên Website của Công ty:
 - a. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ Website của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi;
 - b. Website của Công ty phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông, trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo quy định của pháp luật;
 - c. Website của Công ty phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu đăng tải.
4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên Website của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc đầu tiên ngay sau ngày nghỉ, ngày lễ.
5. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN và SGDCK thực hiện theo hướng dẫn Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán: Công ty phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN và SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được công bố trên website của Công ty, trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN và SGDCK.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác.
2. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
4. Ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ theo Thông tư số 96 và Quy chế số 606

1. Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận như sau:

a. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b. Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán là 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày 31/12.

2. Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận như sau:

a. Nội dung báo cáo tài chính bán niên và báo cáo soát xét tương tự như quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

b. Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét là 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày 30/06.

3. Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý như sau:

a. Nội dung báo cáo tài chính quý được lập và công bố tương tự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b. Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét là 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Công ty phải lập Báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96 và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày 31/12. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

6. Công ty phải công bố Báo cáo tình hình quản trị Công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 30/06 và ngày 31/12;

Đồng thời, Công ty gửi SGDCK bản dữ liệu điện tử Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Quy chế 606 theo định dạng excel.

7. Công ty lập và gửi cho SGDCK Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy chế 606:

a. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/06, thời hạn là ngày 30/07;

b. Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, thời hạn là 30/01 năm tiếp theo;

Điều 8. Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ

Công ty phải thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại khoản này.

2. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.

4. Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.

5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.

6. Quyết định về việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Công ty; thay đổi mã số thuế; thay đổi tên, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty. Trường hợp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty thực hiện theo Mẫu 05 ban hành kèm theo Quy chế 606 và gửi kèm Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được bổ sung, sửa đổi.

7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp

kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính.

8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác. Trong trường hợp có thay đổi mô hình công ty hoặc loại báo cáo tài chính, Công ty phải đăng ký theo Mẫu 06 ban hành kèm theo Quy chế số 606.

9. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty.

10. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

a. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

b. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

c. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

Việc công bố thông tin thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết quy định tại khoản này đồng thời phải thực hiện công bố theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Quy chế 606.

11. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Trường hợp này, Công ty phải gửi Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96, Thông báo thay đổi nhân sự theo Mẫu 02 và Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quy chế số 606.

12. Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty thực hiện báo cáo SGDCK trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi theo Mẫu số 03 và Mẫu số 04 ban hành kèm theo Quy chế 606.

13. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán.

14. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty; Có quyết định kỷ luật, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý Công ty.

15. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt Công ty vi phạm pháp luật về thuế; có kết luận của cơ quan thanh tra về việc vi phạm pháp luật của Công ty.

16. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.

17. Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.

18. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.

19. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

20. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính cùng thời điểm công bố báo cáo tài chính.

21. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Khi công bố thông tin theo quy định tại Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 9. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

1. Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

3. Trường hợp có thay đổi hoặc hủy thông báo, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản theo điểm f khoản 2 Điều 10 Quy chế số 606 và theo khoản 4 Điều 5 Quy chế được ban hành theo Quyết định số 109/QĐ-VSD ngày 20/08/2021, đồng thời phải công bố thông tin về việc thay đổi/hủy nội dung thông báo.

Điều 10. Công bố thông tin họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản

1. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông

a. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên Website của Công ty và Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: Thông báo mời họp; Chương trình họp, phiếu biểu quyết; Tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

b. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Tài liệu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản

Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên Website của Công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 12. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Công ty công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty (nếu có) và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên website của Công ty, hệ thống công bố thông tin của SGDCK, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ:

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

THUỘC DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 13. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan và nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 96 trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu đang sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 96.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 11 Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 96 căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các nhà đầu tư thuộc diện công bố thông tin không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chúng mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty phải công bố thông tin trên Website của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các nhà đầu tư được quy định tại Điều này.

Điều 14. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của Công ty (sau đây gọi là người nội bộ) và người có liên quan của người nội bộ (sau đây gọi là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và

sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK, Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 96;

b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;

c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, người nội bộ và người có liên quan được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

đ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 96;

e. Người nội bộ và người có liên quan thuộc diện phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 13 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Điều này.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc diện phải báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời thuộc diện phải báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 13 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, nhà đầu tư đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan, nhà đầu tư đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty, công ty chứng khoán phải báo cáo UBCKNN, SGDCK, Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên Website của Công ty.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Người được ủy quyền công bố thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp các thông tin và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

2. Người được ủy quyền công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về:

- a. Các thông tin phải được người có thẩm quyền phê duyệt trước khi công bố;
- b. Các thông tin công bố phải đúng với thông tin đã được người có thẩm quyền phê duyệt;
- c. Các thông tin công bố phải được đăng tải trên Website của Công ty, được gửi đến hệ thống công bố thông tin của UBCKNN và SGDCK đúng thời gian quy định. Khi có trục trặc về đường truyền internet, người được ủy quyền công bố thông tin phải bằng mọi cách liên hệ với UBCKNN và SGDCK để được hỗ trợ và chuyển giao thông tin bằng các hình thức khác, không để xảy ra việc Công ty vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin.
- d. Chủ động đề xuất với Tổng giám đốc các giải pháp để Công ty đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 16. Thư ký của Hội đồng quản trị

1. Chủ động cung cấp thông tin cho Người được ủy quyền công bố thông tin ngay khi phát sinh các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị phải công bố thông tin bắt thường theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Thu thập đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin của Hội đồng quản trị để lập Báo cáo tình hình Quản trị Công ty, Báo cáo danh sách cổ đông lớn và cổ đông nhà nước, các báo cáo theo Quy chế số 606 để hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

3. Lập, lưu trữ thông tin, cập nhật danh sách nhà đầu tư sở hữu từ 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; danh sách, thông tin người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ; danh sách và thông tin này được cập nhật thường xuyên mỗi khi có sự thay đổi được chuyển giao kịp thời cho Người được ủy quyền công bố thông tin để theo dõi, hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin.

4. Thu thập và phối hợp thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin:

- a. Báo cáo tài chính;
- b. Báo cáo thường niên;
- c. Công tác họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản;
- d. Hoạt động chào bán chứng khoán;
- đ. Hoạt động chào mua công khai;
- e. Giao dịch cổ phiếu quỹ.
- f. Thông tin theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK.

Điều 17. Ban Kiểm soát

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin của Ban Kiểm soát để lập Báo cáo tình hình Quản trị công ty.

2. Chủ động cung cấp thông tin cho Người được ủy quyền công bố thông tin trước hoặc ngay sau khi Ban Kiểm soát phát sinh các nội dung phải công bố thông tin bất thường theo Điều 8 Quy chế này.

3. Phối hợp và cung cấp kịp thời các thông tin theo đề nghị của Người được ủy quyền công bố thông tin để hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

Điều 18. Phòng Kế toán

1. Cung cấp file Excel và bản cứng Báo cáo tài chính (kèm văn bản giải trình – nếu có) cho Người được ủy quyền công bố thông tin trước 16 giờ 00 ngày liền trước ngày phải công bố thông tin. Trường hợp ngày phải công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Phòng Kế toán chủ trì, thống nhất với Người được ủy quyền công bố thông tin đề xuất Tổng giám đốc kế hoạch chi tiết đảm bảo việc công bố thông tin đúng quy định;

2. Cung cấp thông tin liên quan đến việc ký hợp đồng, hủy hợp đồng kiểm toán hoặc thay đổi đơn vị kiểm toán độc lập;

3. Cung cấp thông tin về các giao dịch phải báo cáo theo Thông tư số 96 để lập Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng và hàng năm;

4. Định kỳ lập báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và báo cáo tình hình thanh toán lãi gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp (nếu có);

5. Chủ động cung cấp thông tin cho Người được ủy quyền công bố thông tin trước hoặc ngay sau khi Phòng kế toán phát sinh các nội dung phải công bố thông tin bất thường theo Điều 8 Quy chế này.

6. Phối hợp và cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Người được ủy quyền công bố thông tin để hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

Điều 19. Phòng Nhân sự

1. Cung cấp thông tin về tổng số lao động, tiền lương bình quân, tiền thưởng và thu nhập khác của người lao động để lập Báo cáo thường niên hàng năm.

2. Chủ động cung cấp thông tin cho Người được ủy quyền công bố thông tin trước hoặc ngay sau khi Phòng nhân sự phát sinh các nội dung phải công bố thông tin bất thường theo Điều 8 Quy chế này.

3. Phối hợp và cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Người được ủy quyền công bố thông tin để hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

Điều 20. Phòng Kinh doanh, Phòng Kỹ thuật và Ban Quản trị tổng hợp

1. Chủ động cung cấp thông tin cho Người được ủy quyền công bố thông tin trước hoặc ngay sau khi phát sinh các nội dung phải công bố thông tin bất thường theo Điều 8 Quy chế này.

2. Phối hợp và cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Người được ủy quyền công bố thông tin để hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

Điều 21. Văn phòng Công ty

1. Cung cấp thông tin ngay cho Người được ủy quyền công bố thông tin tổng hợp khi có sự thay đổi các nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc phát sinh các thông tin phải công bố theo Điều 8 Quy chế này thuộc chức năng nhiệm vụ của Văn phòng;

2. Khi nhận được yêu cầu công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK, nhân viên Văn thư phải báo cáo ngay cho Tổng giám đốc đồng thời chuyển giao 01 bản copy cho Người được ủy quyền công bố thông tin.

3. Chủ động cung cấp thông tin cho Người được ủy quyền công bố thông tin trước hoặc ngay sau khi Văn phòng phát sinh các nội dung phải công bố thông tin bất thường theo Điều 8 Quy chế này.

4. Phối hợp và cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Người được ủy quyền công bố thông tin để hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

Điều 22. Người nội bộ

1. Người nội bộ phải kê khai và gửi cho Thư ký của Hội đồng quản trị Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 96 khi trở thành người nội bộ và khi có bất kỳ sự thay đổi nào đối với các thông tin kê khai trước đó;

2. Định kỳ 6 tháng cung cấp thông tin về các giao dịch giữa người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ với Công ty và các công ty thành viên (nếu có), về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ đối với cổ phiếu của công ty (nếu có) với thời hạn như sau:

a. Về các giao dịch 6 tháng đầu năm chậm nhất là 10/07;

b. Về các giao dịch 6 tháng cuối năm chậm nhất là ngày 10/01 năm sau.

CHƯƠNG V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Các Trưởng Phòng/Ban và Chánh Văn phòng phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị về việc không cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Người được ủy quyền công bố thông tin để thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, dẫn đến việc Công ty vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin bị xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự hoặc làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và uy tín của Công ty, thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành của Công ty.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung

1. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Tổng giám đốc rà soát, tổng hợp trình HĐQT xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những thay đổi mới của pháp luật dẫn đến các quy định của bản Quy chế này trái hoặc không còn phù hợp với quy định pháp luật mới thì áp dụng theo quy định của pháp luật mới đó.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.
2. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lương Minh Hiền